PM3SIP
ISO 9001 : 2015
ISO 14001 : 2015

CÔNG TY CỔ PHẦN THANH BÌNH PHÚ MỸ
Địa chỉ: Khu công nghiệp Chuyên sâu Phú Mỹ 3, Phường Phước Hòa, Thị Xã Phú Mỹ, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam
ĐT: 02543.936.838 Fax: 02543.936.839 Email: environment@phumy3sip.com Website: www.phumy3sip.com

KẾT QUẢ QUAN TRẮC CHẤT LƯỢNG NƯỚC THẢI TỰ ĐỘNG, LIÊN TỤC CỦA TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI TẬP TRUNG KCN CHUYÊN SÂU PHÚ MỸ 3
THÁNG 04 NĂM 2023

Stt	Ngày	Giá trị trung bình pH	Giá trị trung bình Nhiệt độ (°C)	Giá trị trung bình TSS (mg/l)	Giá trị trung bình COD (mg/l)	Giá trị trung bình Amoni (mg/l)	Giá trị trung bình Lưu lượng đầu vào (m^3/ngày)	Giá trị trung bình Lưu lượng đầu ra (m^3/ngày)
1	01/04/2023	7,14	34,47	6,35	13,60	0,53	1.053	6.913
2	02/04/2023	7,17	35,06	8,54	13,31	0,56	290	7.947
3	03/04/2023	7,16	35,21	5,76	21,74	0,53	2.577	8.553
4	04/04/2023	7,30	35,09	7,94	15,87	0,54	3.530	9.187
5	05/04/2023	7,46	35,18	5,58	12,59	0,45	3.484	9.740
6	06/04/2023	7,48	35,37	5,14	12,91	0,40	3.976	9.726
7	07/04/2023	7,51	35,03	4,69	11,55	0,35	3.821	9.756
8	08/04/2023	7,63	35,14	4,48	11,14	0,33	2.331	7.804
9	09/04/2023	7,61	34,98	4,47	11,89	0,29	694	7.341
10	10/04/2023	7,46	34,58	4,31	15,93	0,24	2.163	8.220
11	11/04/2023	7,54	34,29	4,02	12,96	0,29	3.300	9.111
12	12/04/2023	7,54	34,48	4,76	14,50	0,31	3.288	9.697
13	13/04/2023	7,56	35,11	3,57	13,42	0,34	3.703	8.001
14	14/04/2023	7,65	35,00	5,07	15,88	0,33	3.836	9.998
15	15/04/2023	7,53	35,38	3,65	11,29	0,50	1.442	8.241
16	16/04/2023	7,27	35,14	4,16	13,77	0,66	525	7.894
17	17/04/2023	7,36	35,03	4,42	16,11	0,65	2.240	7.239
18	18/04/2023	7,40	34,49	4,03	16,41	0,57	3.309	8.164
19	19/04/2023	7,50	34,42	5,26	14,59	0,42	3.340	9.506
20	20/04/2023	7,49	34,89	4,03	14,05	0,38	3.937	9.553
21	21/04/2023	7,44	35,08	5,88	16,55	0,34	2.948	10.379
22	22/04/2023	7,37	35,56	4,48	11,15	0,37	1.743	8.134
23	23/04/2023	7,29	35,07	3,11	9,15	0,32	268	6.086
24	24/04/2023	7,44	35,16	7,56	18,70	0,29	2.694	6.676
25	25/04/2023	7,51	34,61	6,79	15,01	0,26	2.567	8.686
26	26/04/2023	7,53	34,38	9,45	14,45	0,22	3.385	8.581
27	27/04/2023	7,58	34,53	6,29	16,51	0,28	3.848	10.561
28	28/04/2023	7,46	34,53	6,99	14,91	0,31	3.766	9.730
29	29/04/2023	7,27	34,50	9,79	12,08	0,41	1.177	6.344
30	30/04/2023	7,18	34,00	3,40	10,11	0,37	355	675
Giá trị trung bình ngày		**7,43**	**34,86 (°C)**	**5,47 (mg/l)**	**14,07 (mg/l)**	**0,39 (mg/l)**	**2.520 (m^3/ngày)**	**8.281 (m^3/ngày)**
QCVN 40:2011/BTNMT Cột A, $K_q = K_f = 0,9$. (Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp)		**6 - 9**	**40 (°C)**	**40,5 (mg/l)**	**60,75 (mg/l)**	**4,05 (mg/l)**	-	-